TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2023
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo" Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Nhà trọ H, ấp T, xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Kiều Quang L, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội; tạm trú: ấp T, xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/2/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị D trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà Đỗ Thị D và Kiều Quang L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội vào ngày 02/02/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình và sinh được 02

con chung. Thời gian gần đây, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, ông L không có trách nhiệm với vợ con và ai cũng cho là mình đúng nên không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không có được nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà D và ông L có 02 con chung tên Kiều Quang Đ, sinh ngày 07/11/2005 và Kiều Lan A, sinh ngày 24/04/2020. Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Kiều Lan A, không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Kiều Lan A; đồng thời yêu cầu giao con tên Kiều Quang Đ, sinh ngày 07/11/2005 cho ông Kiều Quang L trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Kiều Quang Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/04/2023, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Kiều Quang L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, phù hợp thực tế nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Kiều Quang L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Kiều Quang L.

[2] Bà Đỗ Thị D và ông Kiều Quang L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội vào ngày 02/02/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà D thì trong thời gian chung sống giữa bà D và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm

sống, không tin tưởng nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông L không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông L tham gia tố tụng nhưng ông L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông L vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông L là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà D yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà D và ông L có 02 con chung tên Kiều Quang Đ, sinh ngày 07/01/2005 và Kiều Lan A, sinh ngày 24/04/2020. Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Kiều Lan A, không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Kiều Lan A; đồng thời yêu cầu giao con tên Kiều Quang Đ, sinh ngày 07/11/2005 cho ông Kiều Quang L trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con Kiều Quang Đ. Xét thấy, cháu Kiều Lan A chưa đủ 36 tháng tuổi kể từ thời điểm bà D khởi kiện và cần có sự chăm sóc trực tiếp của Mẹ, đồng thời cháu Đ có nguyện vọng có nguyện vọng được sống với Bố nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Du không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Kiều Lan A và bà D không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con Kiều Quang Đ. Ông L vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị D về việc không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị D như sau:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị D được ly hôn với ông Kiều Quang L.

- Về con chung: Giao con chung tên Kiều Lan A, sinh ngày 24/04/2020 cho bà Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Kiều Quang Đ, sinh ngày 07/11/2005 cho ông Kiều Quang L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Kiều Quang L và bà Đỗ Thị D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị D và ông Kiều Quang L không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007433 ngày 8/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thành Hiệp